

Áp dụng IFRS tại các ngân hàng thương mại Việt Nam Một số giải pháp triển khai hiệu quả

□ TS. Nguyễn Minh Phương*

*Khoa Ngân hàng - Học viện Ngân hàng

Tóm tắt

Theo lộ trình, việc áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) cho các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam đang đến rất gần. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều những khó khăn, thách thức đặt ra cho ngành ngân hàng từ vấn đề chính sách, triển khai, nhận thức, đào tạo, cơ sở hạ tầng... khiến cho các NHTM cần có bước đi mạnh dạn nhưng cũng phải hết sức thận trọng, để chuẩn bị điều kiện tốt nhất khi chính thức triển khai IFRS. Hỗ trợ cho quá trình đó, Bộ Tài chính, ngân hàng Nhà nước, thậm chí các nhóm công tác liên bộ, hiệp hội nghề nghiệp, các công ty tư vấn... rất cần phải đồng hành, để lộ trình này đạt được kết quả như kỳ vọng.

Từ khóa: IFRS, ngân hàng thương mại, Việt Nam, VAS.

Abstract

According to the plan, the adoption of IFRS by Vietnamese commercial banks is becoming reality in near future. However, the banking industry continues to face numerous obstacles and hurdles, including legislative issues, implementation, awareness, training, and infrastructure, all of which require commercial banks to take significant actions. When implementing IFRS, great attention is taken to ensure the best possible conditions. The Ministry of Finance, the State Bank of Vietnam, and even inter-ministerial working groups, professional associations, and consultancy firms must all support this process in order to accomplish the desired objectives.

Keywords: IFRS, Commercial banks, Vietnam, VAS.

JEL: M11, M20, M40, I22.

1. IFRS và một số điểm khác biệt với VAS về công cụ tài chính

IFRS là tên gọi viết tắt của cụm từ “International Financial Reporting Standards” được dịch sang tiếng Việt là “Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế - IFRS” là một hệ thống các chuẩn mực kế toán do Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) ban hành, nhằm tạo ra một tiếng nói, một “ngôn ngữ” chung về kế toán. Để các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng trình bày báo cáo tài chính (BCTC) một cách nhất quán, giúp dễ dàng đọc và so sánh với nhau mà không cần phân biệt lĩnh vực hoạt động, quốc gia hay vùng lãnh thổ.

Trước xu hướng chuyển sang IFRS, Việt Nam không phải là ngoại lệ, trong đó đối tượng các NHTM vốn được coi là những doanh nghiệp hoạt động kinh doanh đặc biệt, vận hành huyết mạch của nền kinh tế sẽ là những chủ thể được quan tâm để áp dụng IFRS như thế nào một cách trơn tru, thuận lợi, không tạo ra những cú sốc hoặc những gián đoạn trong nền kinh tế, tiến gần hơn với những chuẩn mực chung – tiếng nói chung của nền kinh tế toàn cầu.

Những lợi ích có được đối với các NHTM khi áp dụng IFRS bao gồm:

Thứ nhất, với các NHTM, khi áp dụng IFRS, BCTC được nâng cao chất lượng thông tin, giúp tăng cường khả năng so sánh và tính minh bạch. Một BCTC có thể so sánh và phản ánh trung thực tình hình tài chính là điều mà các nhà đầu tư vẫn đang tìm kiếm và ảnh hưởng tới việc ra quyết định đầu tư của họ.

Thứ hai, áp dụng IFRS cũng giúp tăng hiệu quả thị trường vốn và thúc đẩy các khoản đầu tư xuyên biên giới. IFRS sẽ khơi thông dòng vốn đầu tư giá rẻ từ nước ngoài vào trong nước nhờ gia tăng niềm tin cho nhà đầu tư quốc tế, khi tiếp cận BCTC có tính minh bạch cao. Điều này giúp các ngân hàng huy động vốn quốc tế, nâng cao uy tín và thương hiệu, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Trong nhiều trường hợp, việc các doanh nghiệp cũng như các tổ chức tín dụng tại Việt Nam sử dụng VAS, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ có tâm lý nghi ngờ, thận trọng, điều này phần nào hạn chế cơ hội thu hút các nguồn vốn giá rẻ từ thị trường quốc tế. Không thể không kể đến áp lực từ các định chế tài chính quốc tế, từ nhu cầu của các ngân hàng muốn phát hành trái phiếu, niêm yết trên thị trường quốc tế, đòi hỏi BCTC phải được lập và trình bày theo IFRS. Như vậy, đối với các doanh nghiệp nói chung và các NHTM nói riêng thì việc áp dụng IFRS giúp tạo ra tiếng nói chung với các đối tác và các nhà đầu tư. Hơn nữa là thúc đẩy việc quản trị, dự báo ngân hàng ngày càng tốt hơn, giảm bớt chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh của NHTM.

Thứ ba, khi triển khai IFRS, quản trị doanh nghiệp của các NHTM cũng được thay đổi hẳn về chất, bởi lẽ ngân hàng có thể đưa ra quyết định nhanh chóng khi biết rõ lãi/lỗ theo lãi suất thực, theo giá trị hợp lý,... Hơn thế nữa, thông thường khoản dự phòng theo IFRS 9 sẽ thận trọng hơn đối với các khoản vay, tạo một bước đệm tốt để quản trị rủi ro. Vai trò của những người làm kế toán được nâng cao hơn, khi cùng tham gia vào quản trị rủi ro và các quyết định kinh doanh.

Việc áp dụng IFRS đang trở thành chủ đề rất được quan tâm hiện nay, bởi lẽ vẫn còn nhiều những mặt hạn chế, khi các tổ chức tín dụng ở Việt Nam vẫn đang áp dụng VAS

Một là, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp tại Việt Nam, trong đó có các NHTM chưa phản ánh được sức khỏe tài chính một cách minh bạch, thông qua BCTC theo VAS. Điều này phần nào tạo nên rào cản đối với các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài bản khoản và nghi ngại khi tiếp cận. Do đó, việc tiếp cận nguồn vốn FDI từ nước ngoài của các tổ chức kinh tế đang tốn nhiều chi phí cho phần việc chuyển đổi BCTC theo VAS sang IFRS. Điều này có thể chứng minh rằng, giữa VAS và IFRS vẫn có những khoảng cách tương đối và càng ngày VAS đang bộc lộ những hạn chế, bất cập trong BCTC.

Hai là, VAS hướng đến việc ghi nhận tài sản và nợ phải trả theo giá gốc, chứ không phải giá trị hợp lý (giá trị thị trường). Các tổ chức tín dụng, đặc biệt là các ngân hàng đang vận hành với hình thức kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ và cung cấp dịch vụ ngân hàng. Đối tượng chủ yếu chính là các công cụ tài chính và giá trị của chúng thường xuyên biến động theo giá trị thị trường. Chính vì vậy, các công cụ tài chính cần được ghi nhận và công bố theo giá trị thực của nó. Tuy nhiên, VAS chưa có quy định cho phép đánh giá lại tài sản và nợ phải trả theo giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo. Điều này ảnh hưởng lớn đến việc kiểm tra các tài sản và nợ phải trả được phân loại là công cụ tài chính, làm suy giảm tính trung thực hợp lý của BCTC và chưa phù hợp với IFRS. Do đó, các đối tượng sử dụng BCTC không thể đánh giá được hết khả năng, cũng như tiềm lực tài chính và cả những rủi ro mà các tổ chức tín dụng có thể gặp phải.

Ba là, các NHTM gặp khó khăn trong quá trình áp dụng VAS. Bộ Tài chính ban hành chuẩn mực kế toán cho tất cả các doanh nghiệp, điều này dẫn đến sự chung chung, chưa có tính cụ thể cho từng đối tượng, từng loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp đặc thù như ngân hàng. Mặc dù có thông tư hướng dẫn nhưng trên thực tế có những trường hợp chưa nhất quán giữa chuẩn mực và chế độ kế toán của ngành. Trong trường

hợp này, tổ chức tín dụng nếu chọn áp dụng chế độ kế toán thì vai trò của hệ thống chuẩn mực đã giảm đi sự quan trọng và ngược lại, khiến cho các NHTM trở nên lúng túng trong quá trình thực hiện.

Hiện nay, có một khoảng cách khá lớn giữa VAS và IFRS, đặc biệt là trong IFRS 9, một chuẩn mực sẽ ảnh hưởng lớn nhất tới hoạt động của các NHTM. Việc nhận thức những khác biệt trong IFRS 9 và các quy định hiện tại của chế độ kế toán Việt Nam là rất quan trọng. Từ đó để tìm ra các giải pháp, để tiến tới áp dụng IFRS một cách hiệu quả cho các NHTM Việt Nam.

**Bảng 1. So sánh sự khác biệt giữa các quy định của Việt Nam và IFRS 9
áp dụng trong lĩnh vực ngân hàng**

Tiêu chí	Quy định tại Việt Nam	IFRS 9
Phân loại	<p align="center">Tài sản tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> Tài sản tài chính kinh doanh Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Các khoản cho vay và phải thu Tài sản sẵn sàng để bán 	<p align="center">Tài sản tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> Giá trị phân bổ (amortise cost) Giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ (FVTPL) Giá trị hợp lý thông qua thu nhập toàn diện khác (FVTOCI)
	<p align="center">Nợ phải trả tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Nợ phải trả tài chính kinh doanh 	<p align="center">Nợ phải trả tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> Giá trị phân bổ (amortise cost) Giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ (FVTPL)
	<ul style="list-style-type: none"> Theo giá gốc (cost basis) 	<ul style="list-style-type: none"> Theo giá trị phân bổ sử dụng lãi suất thực (EIR) Theo giá trị hợp lý (Fair value)
Ghi nhận doanh thu/ chi phí	<ul style="list-style-type: none"> Thu nhập toàn diện khác (OCI) và Giá trị hợp lý (Fair value): Không được ghi nhận 	<ul style="list-style-type: none"> Thu nhập toàn diện khác (OCI) và Giá trị hợp lý (Fair value): Được ghi nhận
	<p align="center">Thu nhập/chi phí</p> <ul style="list-style-type: none"> Thu nhập/chi phí lãi được ghi nhận dựa trên lãi suất danh nghĩa theo hợp đồng Khoản nợ từ nhóm 2 trở lên không được dự thu lãi. 	<p align="center">Thu nhập/chi phí</p> <ul style="list-style-type: none"> Thu nhập/chi phí lãi được ghi nhận dựa trên lãi suất thực EIR CCTC luôn được dự thu theo EIR (tính trên giá trị gộp/thuần).
	<p align="center">Chi phí giao dịch</p> <p>Chi phí giao dịch trực tiếp: Khoản vay/gửi được ghi nhận vào PL; Các loại khác: ghi vào giá gốc.</p>	<p align="center">Chi phí giao dịch</p> <ul style="list-style-type: none"> CCTC ghi nhận theo giá trị phân bổ, FVTOCI: ghi nhận tăng giá trị CCTC tại ghi nhận ban đầu CCTC ghi nhận theo FVTPL: ghi nhận vào PL.
Suy giảm giá trị	<ul style="list-style-type: none"> Dự phòng rủi ro tín dụng chung: 0,75% tổng dư nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4. Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn): 0% ✓ Nhóm 2 (Nợ cần chú ý): 5% ✓ Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn): 20% ✓ Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ): 50% ✓ Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn): 100% 	<p>Tồn thất tín dụng dự kiến (ECL): ECL = PD x LGD x EAD</p> <ul style="list-style-type: none"> PD: Khả năng vỡ nợ (Probability of Default) LGD: Tỷ trọng tổn thất tại thời điểm vỡ nợ (Loss given default) EAD: Dư nợ tại thời điểm vỡ nợ (Exposure of default). Có tính đến yếu tố kinh tế vĩ mô

(Nguồn: 2, 3)

2. Thực tiễn triển khai IFRS trong NHTM Việt Nam

Ngày 16/03/2020, Bộ Tài chính ban hành Quyết định 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án “Áp dụng Chuẩn mực BCTC tại Việt Nam”, trong đó nêu lên các mục tiêu tạo dựng công cụ quản lý hiệu lực, hiệu quả, góp phần nâng cao tính minh bạch của các thông tin tài chính, nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, góp phần thúc đẩy hội nhập của nền kinh tế Việt Nam với khu vực và thế giới, thông qua việc áp dụng IFRS. Từ thời điểm đó, Bộ Tài chính đã sát cánh triển khai IFRS cùng

các doanh nghiệp nói chung và các NHTM nói riêng, trong việc bước đầu triển khai IFRS.

Bảng 2: Lộ trình áp dụng IFRS

a. Giai đoạn chuẩn bị (2020 - 2021):

- Xây dựng và ban hành Đề án “Áp dụng Chuẩn mực BCTC tại Việt Nam, thời gian thực hiện đến trước 03/2020”.
- Thành lập Ban Dịch thuật và soát xét, hoàn thành bản dịch IFRS sang tiếng Việt, thời gian thực hiện đến trước 12/2020.
- BTC xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp công bố bản dịch IFRS sang tiếng Việt, thời gian thực hiện đến trước tháng 03/2021.
- BTC xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cách thức áp dụng IFRS; bổ sung, sửa đổi và ban hành mới một số cơ chế tài chính liên quan đến việc áp dụng IFRS, thời gian thực hiện: đến trước 15/11/2021.
- Đào tạo nguồn nhân lực, quy trình triển khai cho các doanh nghiệp.

b. Giai đoạn 1, áp dụng tự nguyện (2022 - 2025):

(1) Đối với BCTC hợp nhất:

Các doanh nghiệp sau có nhu cầu và đủ nguồn lực, thông báo cho BTC trước khi tự nguyện áp dụng IFRS để lập BCTC hợp nhất:

- Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước quy mô lớn hoặc có các khoản vay, được tài trợ bởi các định chế tài chính quốc tế;
- Công ty mẹ là công ty niêm yết;
- Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết;
- Các công ty mẹ khác.

(2) Đối với BCTC riêng:

- Các doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là công ty con của công ty mẹ ở nước ngoài có nhu cầu và đủ nguồn lực, thông báo cho BTC trước khi tự nguyện áp dụng IFRS để lập BCTC riêng.

- Khi áp dụng IFRS doanh nghiệp phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và giải trình rõ ràng, minh bạch với cơ quan thuế, cơ quan quản lý, giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

c. Giai đoạn 2, áp dụng bắt buộc (sau năm 2025).

(1) Đối với BCTC hợp nhất:

- Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện áp dụng IFRS của giai đoạn 1, BTC căn cứ nhu cầu, khả năng sẵn sàng của các doanh nghiệp và tình hình thực tế, quy định phương án, thời điểm bắt buộc áp dụng IFRS để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho từng nhóm doanh nghiệp thuộc các đối tượng cụ thể sau:

- + Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước;
- + Công ty mẹ là công ty niêm yết;
- + Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết;
- + Công ty mẹ quy mô lớn khác.

- Các công ty mẹ khác không thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng nêu trên có nhu cầu và đủ nguồn lực, thông báo cho BTC trước khi tự nguyện áp dụng IFRS để lập BCTC hợp nhất.

(2) Đối với BCTC riêng:

- Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện áp dụng IFRS của giai đoạn 1, BTC căn cứ nhu cầu, khả năng sẵn sàng của các doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và tình hình thực tế, quy định phương án, thời điểm áp dụng bắt buộc hoặc áp dụng tự nguyện IFRS để lập BCTC riêng cho từng nhóm đối tượng, đảm bảo tính hiệu quả và khả thi.

- Khi áp dụng IFRS doanh nghiệp phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và giải trình rõ ràng, minh bạch với cơ quan thuế, cơ quan quản lý, giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Như vậy, từ năm 2025 Bộ Tài chính sẽ tiến hành tổ chức đánh giá kết quả của giai đoạn áp dụng thử nghiệm (2022 - 2025). Sau năm 2025, Bộ giao NHNN quyết định đối tượng nào trong số các NHTM sẽ áp dụng bắt buộc IFRS, thời điểm nào nên áp dụng cho BCTC riêng hay BCTC hợp nhất [7]. Điều này có nghĩa là lộ trình riêng cho khối ngân hàng, sẽ do NHNN quyết định, để đảm bảo tính an toàn, thận trọng và tránh những hậu quả không mong muốn.

Có thể thấy, thời điểm hiện tại cho tới năm 2025 là giai đoạn áp dụng tự nguyện IFRS. Tuy nhiên, các NHTM đang gặp phải không ít các khó khăn cản trở việc áp dụng bộ chuẩn mực này, ví dụ như: (i) chưa có đầy đủ thông tin trên thị trường hoạt động; (ii) trình độ năng lực chuyên môn và ngoại ngữ của cán bộ còn hạn chế; (iii) nội dung chuẩn mực phức tạp, khó hiểu, khó tiếp cận; (iv) đòi hỏi hệ thống công nghệ thông tin chuyên nghiệp; (v) các cơ sở đào tạo về IFRS tại Việt Nam chưa có nhiều chương trình đào tạo về IFRS một cách có hệ thống...

Với vai trò là cơ quan chủ quản trong lĩnh vực ngân hàng, ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã chủ động ban hành chế độ kế toán các tổ chức tín dụng trên cơ sở Luật Kế toán, VAS cũng như các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, đặc biệt đã có những hướng dẫn hạch toán cho một số nghiệp vụ đặc thù và phù hợp với IAS 32, 39 như: Công văn 7459/NHNN-KTTC hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ kinh doanh, đầu tư chứng khoán); Công văn 7404/NHNN_KTTC hướng dẫn hạch toán kế toán nghiệp vụ phái sinh tiền tệ; cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài áp dụng theo IAS đối với giao dịch ngoại hối và các hợp đồng phái sinh; yêu cầu các tổ chức tín dụng này phải thuyết minh nội dung khác biệt VAS, IAS và tác động lên BCTC [6]. Đây cũng là những hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ, định hướng các NHTM, trong quá trình áp dụng IFRS. Tuy nhiên, để lộ trình này đạt được hiệu quả, một hệ thống giải pháp mang tính toàn diện có sự kết hợp của nhiều chủ thể trong nền kinh tế. Tác giả gợi ý một số giải pháp như sau.

3. Giải pháp áp dụng IFRS thành công cho NHTM Việt Nam

Với chủ trương của Đảng và Nhà nước yêu cầu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường (bao gồm chế độ kế toán), Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chiến lược Kế toán - Kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định 986/QĐ-TTg ngày 8/8/2018. Trong đó, giai đoạn 2021 - 2025, sẽ tập trung nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh, tăng cường minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt trong quản trị và trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đã phê duyệt Đề án “Áp dụng IFRS tại Việt Nam năm 2025 và giao ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, triển khai lộ trình”.

Căn cứ vào đặc thù của nhóm tổ chức tín dụng là nhóm doanh nghiệp có tài sản tài chính chiếm tỷ trọng rất lớn, nên IFRS 9 có tác động rất lớn cũng như những khó khăn mà ngành ngân hàng đang phải đối mặt khi triển khai IFRS, ví dụ như Việt Nam đang đi chậm hơn so với các quốc gia khác. Thêm vào đó, IFRS còn rất mới, việc triển khai vô cùng phức tạp, nhiều lãnh đạo NHTM chưa nhận thức được sự cần thiết phải chuyển đổi áp dụng IFRS, thông tin chưa đầy đủ, vấn đề đào tạo con người còn nhiều bất cập... Do đó, một số giải pháp cấp thiết hiện nay, cần lưu ý như sau:

Đối với BTC

- Tích cực tuyên truyền, quảng bá hiệu biết rộng rãi và nâng cao nhận thức, trong việc áp dụng IFRS đến các doanh nghiệp nói chung và các NHTM nói riêng.

- Hoàn thiện môi trường kinh tế, hành lang pháp lý để phù hợp với IFRS. Nhà nước nên ban hành các chính sách để nâng cao môi trường kinh doanh, bao gồm: thị trường tài chính; thị trường vốn trung và dài hạn; thị trường công cụ phái sinh, nhằm tạo điều kiện cho thị trường giao dịch các tài sản được hoạt động và minh bạch. Nhằm xây dựng cơ sở cho việc xác định các giá trị ước tính như giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi. Bộ Tài chính và ngân hàng Nhà nước, cần xây dựng chiến lược triển khai IFRS một cách cụ thể.

Đối với ngân hàng Nhà nước

Vụ Tài chính - Kế toán Ngân hàng Nhà nước sẽ là đơn vị đầu mối nghiên cứu, triển khai IFRS, thành lập các nhóm công tác liên vụ, thúc đẩy thành lập nhóm công tác liên bộ về IFRS.

Ngân hàng Nhà nước cũng cần thường xuyên tiếp xúc, làm việc, trao đổi, tổ chức các khóa đào tạo về IFRS của Big4 Kiểm toán như Ernst&Young, KPMG, PWC; khảo sát, phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ các tổ chức tín dụng trong việc nghiên cứu, đánh giá tác động, khó khăn trong quá trình thực hiện lộ trình để có quyết định phù hợp, tại thời điểm năm 2025, khi xác định chính xác những NHTM nào đủ điều kiện áp dụng IFRS.

Đối với các NHTM

Các ngân hàng cần nỗ lực thiết lập, hoàn thiện hệ thống và quy trình đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực đáp ứng nhu cầu hội tụ kế toán quốc tế, trong xu thế chung của nền kinh tế thế giới. Cụ thể, các ngân hàng cần nhận thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định. Đồng thời, các nhà quản lý cần tìm hiểu, nâng cao kiến thức, bởi họ là những người trực tiếp quyết định trong việc thực hiện các quy định trong chuẩn mực. Bản thân các NHTM cũng cần chủ động xây dựng chiến lược và ngân sách khi áp dụng IFRS, ví dụ như:

- Xác định nhu cầu áp dụng IFRS ở mức độ nào, xác định phương án, lộ trình cụ thể áp dụng cho ngân hàng của mình, công bố thông tin về lộ trình, phương án áp dụng.
- Ban lãnh đạo ngân hàng cần nhận thức và tích cực tham gia trong suốt quá trình triển khai, áp dụng IFRS.
- Thiết lập kênh thông tin với cơ quan hoạch định chính sách (Bộ Tài chính, ngân hàng Nhà nước); các công ty kiểm toán, hội nghề nghiệp, nhà tư vấn.
- Xây dựng chính sách kế toán rõ ràng, nhất quán giữa công ty mẹ và các công ty con; phân định ranh giới giữa BCTC và báo cáo thuế, báo cáo quản trị nội bộ.
- Bố trí ngân sách cho từng công việc cần triển khai.
- Chủ động xây dựng bộ máy kế toán cũng như xây dựng quy chế phối hợp giữa các bộ phận trong ngân hàng.
- Xây dựng đội ngũ kế toán có năng lực, kinh nghiệm và am hiểu về IFRS thông qua đào tạo và tập huấn, thậm chí phải đào tạo kiến thức cho các bộ phận khác có liên quan trong ngân hàng, ví dụ như bộ phận hoạch định chiến lược, kinh doanh... để đảm bảo việc cung cấp thông tin một cách hữu ích nhất cho bộ phận kế toán.
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo hiệu quả, hiệu lực của công tác quản trị nội bộ; đảm bảo kết nối giữa bộ phận kế toán, tài chính và các bộ phận khác; đảm bảo kết nối giữa công ty mẹ và các công ty con, đơn vị trực thuộc; phần mềm kế toán cần tự động hóa ở mức cao, hướng đến có thể cung cấp BCTC ở bất cứ thời điểm nào, cần đổi mới hệ thống công nghệ thông tin có thể kết nối với các hệ thống quản trị.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng dữ liệu. Bản chất của IFRS là, hướng đến giá trị hợp lý, do đó việc xây dựng cơ sở dữ liệu định giá và mô hình tài chính và phi tài chính là vô cùng

quan trọng (Mô hình tổn thất tín dụng dự kiến Expected Credit Loss – ECL; xác suất vỡ nợ PD; tổn thất dự kiến LGD; dự báo chu kỳ kinh tế, các yếu tố môi trường, vĩ mô...).

- Sẵn sàng quy trình chuyển đổi BCTC: hiện nay có hai lựa chọn, một là lập BCTC theo VAS và tiến hành chuyển đổi sang IFRS; hai là lập trực tiếp BCTC theo IFRS. Nhưng dù là cách nào cũng cần phải có quy trình hướng dẫn chuyển đổi từ VAS sang IFRS, bởi vậy các NHTM cần:

- + Nhận diện các giao dịch, khoản mục trên BCTC cần chuyển đổi.
- + Xây dựng hệ thống hồ sơ, dữ liệu mang tính kế thừa.
- + Quy định trách nhiệm chuyển đổi BCTC, phù hợp với đặc thù của ngân hàng.
- + Xây dựng bộ quy tắc chuyển đổi BCTC, với hướng dẫn cụ thể cho ngân hàng, Bộ Tài chính, (2021).
- Đảm bảo nền tảng kỹ thuật tốt nhất cho việc lập và trình bày BCTC:
 - + Xác định đơn vị tạo tiền của ngân hàng.
 - + Phân loại rõ những tài sản cố định, bất động sản đầu tư cần đánh giá lại định kỳ.
 - + Rà soát những tài sản tiếp tục sử dụng và nắm giữ để thanh lý hoặc tái phân loại.
 - + Chuẩn bị dữ liệu phù hợp với các phương pháp định giá, đặc biệt chú ý các tài sản không có giá niêm yết.
 - + Thường xuyên đánh giá lại độ tin cậy của các ước tính (khả năng thu hồi nợ, thị phần, sự suy giảm giá trị của tài sản).
 - + Thường xuyên đánh giá và tăng cường quản trị rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, Bộ Tài chính, (2021).

Đối với các Hiệp hội nghề nghiệp

Nâng cao vai trò của các Hiệp hội ngành nghề kế toán, kiểm toán. Triển khai IFRS là vấn đề rất quan trọng và không đơn giản nên việc áp dụng cần có sự tư vấn, hỗ trợ từ các Hiệp hội ngành nghề kế toán, kiểm toán và các chuyên gia từ các tổ chức nghề nghiệp quốc tế. Điều này là cần thiết, bởi đây là những người dày dặn kinh nghiệm thực tiễn cũng như đã nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực. Sự tham gia của các tổ chức, Hiệp hội ngành nghề có thể thông qua các hoạt động đào tạo, tổ chức hội thảo, cung cấp tài liệu nghiên cứu.

Đối với các cơ sở đào tạo đại học

Việc vận dụng IFRS, yêu cầu kế toán phải có kiến thức chuyên sâu và trình độ tiếng Anh tốt. Tuy nhiên, trong chương trình đào tạo bậc đại học còn rất hạn chế về IFRS, hơn thế nữa khả năng ngoại ngữ của sinh viên Việt Nam chưa đáp ứng đủ để phục vụ vận dụng IFRS. Công tác đào tạo cần có sự hợp tác của các cơ sở đào tạo như các trường đại học, các đơn vị đào tạo trong nước, các tổ chức nghề nghiệp quốc tế như Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh quốc (ACCA),...

4. Kết luận

Việc áp dụng IFRS cho các NHTM Việt Nam chỉ còn là vấn đề sớm hay muộn. Để chủ động đón đầu các cơ hội, hạn chế thách thức thì các NHTM cần vạch ra một lộ trình phù hợp. Bên cạnh sự hỗ trợ của Chính phủ, các cơ quan quản lý Nhà nước thì việc các NHTM nỗ lực tự chuẩn bị những điều kiện cần thiết là rất quan trọng. Tạo điều kiện cho họ có thể làm chủ được xu thế, hạn chế những khó khăn khi việc áp dụng IFRS trở thành hiện thực. □

Tài liệu tham khảo

1. BTC, (2020), *Quyết định phê*

- duyệt Đề án “Áp dụng Chuẩn mực BCTC tại Việt Nam”, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Quyet-dinh-345-QD-BTC-2020-phe-duyet-De-an-ap-dung-chuan-muc-bao-cao-tai-chinh-tai-Viet-Nam-437190.aspx><https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=203811>.
2. IFRS, (2021), IFRS 9 Financial instruments, <https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-9-financial-instruments/>.
 3. NHNN Việt Nam, (2006), Công văn 7404/NHNN-KTTC “Hướng dẫn hạch toán kế toán nghiệp vụ phái sinh tiền tệ”, <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Tien-te-Ngan-hang/Cong-van-7404-NHNN-KTTC-huong-dan-hach-toan-ke-toan-nghiep-vu-phai-sinh-tien-te-70833.aspx>.
 4. NHNN Việt Nam, (2006), Công văn 7459/NHNN-KTTC “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ kinh doanh, đầu tư chứng khoán”, <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Tien-te-Ngan-hang/Cong-van-7459-NHNN-KTTC-huong-dan-hach-toan-nghiep-vu-kinh-doanh-dau-tu-chung-khoan-70835.aspx>
 5. NHNN Việt Nam, (2014), Thông tư 49/2014/TT-NHNN “Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của chế độ BCTC đối với các tổ chức tín dụng”.
 6. NHNN Việt Nam, (2021), Thông tư 11/2021/TT-NHNN, “Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”, <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=203811>.
 7. Smart train, (2021), “Giải pháp áp dụng IFRS dành cho ngân hàng, chia sẻ kinh nghiệm triển khai IFRS thành công”, <https://smartrain.edu.vn>.